

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NĂM CĂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 17-6-2022  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Minh Khánh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Tạ Huyền Thanh.

Ông Võ Minh Quang.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 102/2022/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Bích N, sinh năm 1999 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Ô, xã L, huyện N, tỉnh C .

**- Bị đơn:** Anh Văn Công D, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã L, huyện N, tỉnh C .

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện ngày 29/3/2022 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 25/4/2022 nguyên đơn chị Lê Thị Bích N trình bày:

Chị và anh D kết hôn năm 2016 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống cho đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm nên ly thân cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Lê Phú Thịnh, sinh ngày 18/5/2017, hiện do chị nuôi dưỡng từ khi ly thân đến nay. Sau

khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con số tiền 800.000đ/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung chị xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Văn Công D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì đối với nội dung nguyên đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị N có văn bản xin vắng mặt; anh D đã được Tòa án triệu tập tham gia hòa giải và phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh D tự nguyện kết hôn năm 2016 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, chị N cho rằng phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cự cãi, bất đồng trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn, nên chị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh D. Quá trình giải quyết vụ án, anh D đã biết chị N kiện xin ly hôn nhưng không có ý kiến hay phản bác nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Điều này chứng tỏ anh D không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của chị N đặt ra. Xét thấy, quan hệ hôn nhân được xây dựng trên tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và chung sống với nhau. Chị N và anh D hiện không còn chung sống với nhau. Từ đó chị N yêu cầu ly hôn với anh D. Tuy nhiên hôn nhân giữa chị N và anh D mặc dù sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên căn cứ Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa chị N với anh D không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Lê Phú Thịnh, sinh ngày 18/5/2017. Theo chị N trình bày cháu Thịnh hiện nay do chị nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Đối với anh D không

có ý kiến phản bác nên được xem như chấp nhận yêu cầu của chị N đặt ra. Do đó, Hội đồng xét xử cần tiếp tục giao con cho chị N nuôi dưỡng là có căn cứ.

[4] Vấn đề cấp dưỡng: Tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Đối chiếu điều luật trên, xét thấy anh D không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị N yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 800.000 đồng, anh D vắng mặt không có ý kiến về việc cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử cần điều chỉnh mức cấp dưỡng bằng  $\frac{1}{2}$  mức lương cơ sở là 745.000 đồng/tháng là phù hợp. Buộc anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 745.000 đồng, cấp hàng tháng, cấp dưỡng kể từ ngày 17 tháng 6 năm 2022 cho đến khi cháu Thịnh đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[5] Về tài sản chung và nợ chung anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét nên không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chị N và anh D phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207 và khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14; Khoản 1 Điều 56, Điều 81; khoản 1, 2 Điều 82; Điều 83; Điều 107, Điều 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị Bích N và anh Văn Công D là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Phú Thịnh, sinh ngày 18/4/2017 cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi chấm

dứt việc nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Buộc anh Văn Công D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 745.000 đồng/tháng, cấp hàng tháng, cấp dưỡng kể từ ngày 17 tháng 6 năm 2022 cho đến khi cháu Thịnh đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Án phí hôn nhân gia đình chị N phải chịu 300.000 đồng, chị N đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0015507 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn nay được chuyển thu, chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Án phí cấp dưỡng nuôi con buộc anh Văn Công D phải chịu 300.000 đồng (chưa nộp).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CCTHADS huyện Năm Căn;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Minh Khánh**